

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **151/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/8/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thảo

2. Bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/TLST-HNGĐ, ngày 21/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/QĐST-DS ngày 28/7/2022, giữa:

Nguyên đơn:* Chị **Trần Mỹ L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số nhà 93, tổ dân phố 9, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Vắng mặt.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Cao T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 93, tổ dân phố 9, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Trần Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Cao T đăng ký kết hôn ngày 11/9/2018, tại UBND phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố 9, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống chị L và anh T đều là lao động tự do, vợ chồng không hạnh phúc do kinh tế gia đình khó khăn vì cả hai vợ chồng đều không có việc làm và không có thu nhập ổn định, anh T mãi chơi, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con và thường xuyên vắng nhà. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Trần Mỹ L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Cao T có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/9/2018. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết, giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Trần Mỹ L trình bày, chị và anh Nguyễn Cao T không có nhà đất và tài sản gì có giá trị, chỉ có một đồ dung sinh hoạt giá trị không đáng kể nên vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị Trần Mỹ L tự xác nhận, chị và anh Nguyễn Cao T không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến tham gia tố tụng theo thời gian triệu tập của Tòa án. Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa chị L và anh T, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện tổ dân phố 9, phường N, thành phố T xác nhận: Anh Nguyễn Cao T, sinh năm 1992 và chị Trần Mỹ L, sinh năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố T năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 9, phường N, thành phố T. Anh T và chị L là lao động tự do, tổ dân phố cũng chưa lần nào phải hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, nghe nói một năm trở lại đây, anh chị ly thân, anh T đi làm ăn xa, thì thoảng mới về nhà, nhưng thời gian gần đây anh T về hôm trước hôm sau lại đi ngay. Quá trình chung sống chị L và anh T có một con chung còn nhỏ, hiện nay đang ở cùng chị L và mẹ đẻ của chị L tại tổ dân phố 9, phường N, thành phố T; Tại địa phương anh chị không có nhà, đất chung, các tài sản khác thì tổ dân phố không nắm được; Về vay, nợ của vợ chồng anh chị, tổ dân phố cũng không nắm được.

Bà Phạm Thị V, sinh năm 1961; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cung cấp thông tin như sau: Bà V là mẹ đẻ của chị Trần Mỹ L, sau khi chị L kết hôn với anh Nguyễn Cao T thì anh chị về ở cùng nhà với Bà V một thời gian thì vợ chồng thuê nhà ra ở riêng cũng tại tổ 9, phường N, thành phố T, được một thời gian thì lại quay về nhà Bà V ở cho đến nay, vợ chồng anh chị mâu thuẫn vì kinh tế khó khăn do cả hai đều không có công việc và không có thu nhập ổn định, sau đó thì anh T lại đi làm ăn xa, cũng không quan tâm đến vợ con, vợ chồng ly thân khoảng một năm nhưng thời gian gần đây anh T hay về nhà, cứ vài hôm lại về nhưng chỉ ở qua một đêm lại đi ngay. Chị L và anh T có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh năm 2018, hiện đang ở cùng gia đình Bà V; Về tài sản chung, chị L và anh T lấy nhau không chịu làm ăn nên thu nhập chỉ tạm đủ sinh hoạt cho hai mẹ con chị L nên anh chị không mua sắm được tài sản gì có giá trị; Về vay nợ, không thấy anh chị có dư luận gì về việc vay nợ. Anh T có biết việc chị L làm đơn ly hôn, khi Tòa án gửi thông báo cho anh T thì anh T bảo nhất trí nhưng không đến Tòa vì bận đi làm.

Tại phiên tòa:

Chị Trần Mỹ L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T và giao con chung là Nguyễn Minh H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Cao T vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Trần Mỹ L được ly hôn anh Nguyễn Cao T, giao con chung là Nguyễn Minh H cho chị Trần Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản hòa giải tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, Điều 173 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn bản chính; Bản sao các tài liệu gồm: Sổ hộ khẩu gia đình, Căn cước công dân Trần Mỹ L, CMND Nguyễn Cao T, Giấy khai sinh Nguyễn Minh H. Đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Cao T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Qua trình bày

của đương sự và kết quả xác minh thu thập chứng cứ cho thấy, vợ chồng chị L và anh T có mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, anh T không tu trí làm ăn, không chăm lo cho vợ con nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị L và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Mỹ L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Cao T.

- Về con chung: Chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Cao T có một con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/9/2018, hiện do chị Trần Mỹ L đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục, anh T không thường xuyên có mặt tại địa phương, không có nghề nghiệp ổn định. Xét thấy giao con chung cho chị Trần Mỹ L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn là phù hợp, chị L không yêu cầu anh Nguyễn Cao T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của anh T.

- Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị L, anh T không xác định được anh T và chị L có tài sản chung hay không, theo kết quả xác minh với bà Phạm Thị V (mẹ đẻ chị Vân) xác định chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Cao T không có tài sản chung, chị Trần Mỹ L xác nhận vợ chồng không có tài sản chung có giá trị, chỉ có một số đồ dung sinh hoạt giá trị không đáng kể, vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nhưng không có căn cứ xác định chị L và anh T có vay nợ chung, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết về vay nợ chung của chị L và anh T. Chị Trần Mỹ L xác nhận, chị và anh Nguyễn Cao T, không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên không thỏa thuận được với nhau về án phí, chị L không thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do vậy, chị Trần Mỹ L phải chịu toàn bộ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Mỹ L đã nộp trong vụ án này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Chị Trần Mỹ L đã nộp đủ án phí của vụ án, anh Nguyễn Cao T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Mỹ L ly hôn anh Nguyễn Cao T.

2. Giao con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 16/9/2018 cho chị Trần Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Cao T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Mỹ L do hiện tại chị Trần Mỹ L không yêu cầu. Anh Nguyễn Cao T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Mỹ L phải chịu toàn bộ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Mỹ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000289 ngày 21/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Chị Trần Mỹ L đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan

Hà Hữu Bình – Lý Thị Nhân

